|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:  /2020/QĐ-UBND | *Quảng Trị, ngày   tháng   năm 2020* |

DỰ THẢO LẦN 1

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định mức hỗ trợ kinh phí phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/06/2015;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/06/2013;*

*Căn cứ Nghị định số*[*34/2016/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-34-2016-nd-cp-quy-dinh-chi-tiet-bien-phap-thi-hanh-luat-ban-hanh-van-ban-quy-pham-phap-luat-312070.aspx)*ngày 14/05/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số*[*136/2013/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/nghi-dinh-136-2013-nd-cp-chinh-sach-tro-giup-xa-hoi-bao-tro-xa-hoi-210669.aspx)*ngày 21/10/2013 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về quy định thành lập và quản lý Quỹ phòng,chống thiên tai; Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/ 11/ 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;*

*Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;*

*Căn cứ Quyết định số*[*01/2016/QĐ-TTg*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/quyet-dinh-01-2016-qd-ttg-co-che-quy-trinh-ho-tro-kinh-phi-dia-phuong-khac-phuc-hau-qua-thien-tai-301478.aspx)*ngày 19/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, quy trình hỗ trợ kinh phí cho các địa phương để khắc phục hậu quả thiên tai; Quyết định số*[*37/2019/QĐ-TTg*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/quyet-dinh-01-2016-qd-ttg-co-che-quy-trinh-ho-tro-kinh-phi-dia-phuong-khac-phuc-hau-qua-thien-tai-301478.aspx)*ngày 27/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số*[*01/2016/QĐ-TTg*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/quyet-dinh-01-2016-qd-ttg-co-che-quy-trinh-ho-tro-kinh-phi-dia-phuong-khac-phuc-hau-qua-thien-tai-301478.aspx)*ngày 19/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, quy trình hỗ trợ kinh phí cho các địa phương để khắc phục hậu quả thiên tai;*

*Căn cứ Thông tư Liên tịch số*[*43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/thong-tu-lien-tich-43-2015-ttlt-bnnptnt-bkhdt-huong-dan-thong-ke-danh-gia-thiet-hai-do-thien-tai-gay-ra-296630.aspx)*ngày 23/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thống kê đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số /TTr-SNN ngày / /2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức hỗ trợ kinh phí phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh; Chủ tịch hội đồng quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như điều 3;- Ban Chỉ đạo TW về PCTT;- UBQG ƯPSCTT & TKCN;- Các Bộ: Tài chính, NN&PTNT, KHĐT;- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;- Vụ Pháp chế - Bộ NN&PTNT;- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh ;**-** Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh;- UBMT TQ Việt Nam tỉnh;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Sở Tư pháp;- Báo Quảng Trị, Đài PT-TH tỉnh;- Cổng TT điện tử tỉnh, Công báo tỉnh;- Lưu: VT, NN. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂNCHỦ TỊCH** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

 **QUY ĐỊNH**

 **Mức hỗ trợ kinh phí phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai**

**trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND ngày tháng
 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

**Chương I**

 **QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định về mức hỗ trợ kinh phí và tổ chức thực hiện công tác cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai; mức hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa, ứng phó thiên tai và ưu tiên hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại điểm a, b và c khoản 3 Điều 10 Luật Phòng, chống thiên tai và các hoạt động theo điểm 1 khoản 4 Điều 1 Nghị định số 83/2019/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình bị ảnh hưởng do thiên tai và liên quan đến hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Nhà nước hỗ trợ và chia sẻ rủi ro cùng các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình bị ảnh hưởng do thiên tai; hỗ trợ kinh phí thực hiện các nội dung hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

2. Công khai, công bằng, minh bạch, đúng đối tượng, định mức phù hợp.

3. Chỉ hỗ trợ cho các đơn vị, địa phương đã chủ động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai nhưng vượt qúa khả năng cân đối nguồn ngân sách của các đơn vị, địa phương.

4. Chỉ hỗ trợ cho các đối tượng chưa được hỗ trợ theo các quy định hiện hành khác của Nhà nước. Trong trường hợp có nhiều chính sách cùng một nội dung hỗ trợ thiệt hại do thiên tai, đối tượng đó chỉ được nhận hỗ trợ một chính sách phù hợp nhất.

**Điều 3. Hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai**

1. Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa:

Xây dựng và phổ biến tuyên truyền kiến thức pháp luật; lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai, phương án ứng phó thiên tai; tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng chống thiên tai tại các cấp ở địa phương và cộng đồng; diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp; tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã.

2. Hỗ trợ hoạt động ứng phó thiên tai:

Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế; thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán đến; hỗ trợ quan trắc, thông tin, thông báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng; tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng chống thiên tai.

3. Hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai khẩn cấp, cấp bách các công việc cần phải xử lý ngay sau khi có thiên tai xảy ra bao gồm:

a) Tiếp tục triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu khác và hỗ trợ trấn an tâm lý để ổn định đời sống của người dân;

b) Hỗ trợ trực tiếp cho nhân dân: Nhà sập, tốc mái, người chết, bị thương*;* giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu thiết yếu khác để phục hồi sản xuất;

c) Thực hiện vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai;

d) Sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, thông tin, thủy lợi, điện lực, trường học, cơ sở y tế và công trình hạ tầng công cộng như: Tu sửa cơ sở y tế, trường học, tu sửa nhà sơ tán phòng tránh thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; xử lý các chướng ngại vật trên các tuyến đường giao thông; tu sửa, xử lý khẩn cấp đê, kè, cống và công trình phòng chống thiên tai… nhằm bảo đảm an toàn giao thông, an toàn hồ chứa, đê điều và cho các hạng mục liền kề; bảo đảm tưới tiêu nước phục vụ sản xuất, đáp ứng thông tin liên lạc, điện sinh hoạt của nhân dân.

4. Các nội dung hỗ trợ công việc phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

**Điều 4. Nguồn kinh phí**

1. Quỹ Phòng, chống thiên tai (sau đây viết tắt là nguồn Quỹ).

2. Ngân sách Trung ương hỗ trợ để phòng, ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

**Chương II**

**HỖ TRỢ PHÒNG NGỪA , ỨNG PHÓ VÀ KHẮC PHỤC**

**HẬU QỦA THIÊN TAI**

**Mục 1. HỖ TRỢ CÔNG TÁC PHÒNG NGỪA**

**Điều 5.** **Công tác phổ biến tuyên truyền, đào tạo, tập huấn**

1. Xây dựng và phổ biến tuyên truyền kiến thức pháp luật; tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng; tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã, được xem xét chi hỗ trợ ở mức tối đa như sau:

a) Cấp tỉnh: 35.000.000 đồng cho 01 hội thảo, hội nghị, lớp tập huấn;

b) Cấp huyện: 15.000.000 đồng cho 01 hội thảo, hội nghị, lớp tập huấn;

c) Cấp xã: 10.000.000 đồng cho 01 hội thảo, hội nghị, lớp tập huấn.

2. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, mít tinh kỷ niệm tuần lễ Quốc gia Phòng, chống thiên tai được xem xét chi hỗ trợ ở mức tối đa như sau:

a) Cấp tỉnh: 150.000.000 đồng cho 01 đợt mít tinh;

b) Cấp huyện: 100.000.000 đồng cho 01 đợt mít tinh;

c) Cấp xã: 50.000.000 đồng cho 01 đợt mít tinh.

3. Xây dựng chuyên mục phát sóng, đưa tin các chuyên đề truyền thông về công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên các phương tiện thông tin đại chúng, được xem xét chi hỗ trợ ở mức tối đa 15.000.000 đồng cho 01 chuyên mục.

4. Diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ở các cấp, được xem xét chi hỗ trợ ở mức tối đa như sau:

a) Cấp tỉnh: 300.000.000 đồng cho 01 đợt diễn tập;

b) Cấp huyện: 150.000.000 đồng cho 01 đợt diễn tập;

c) Cấp xã: 80.000.000 đồng cho 01 đợt diễn tập.

**Điều 6. Xây dựng và rà soát kế hoạch phòng chống thiên tai**

1. Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai theo chu kỳ kế hoạch 05 năm tương ứng với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã, được xem xét chi hỗ trợ ở mức tối đa như sau:

a) Cấp tỉnh: 300.000.000 đồng;

b) Cấp huyện: 100.000.000 đồng;

c) Cấp xã: 30.000.000 đồng.

2. Rà soát, cập nhật, điều chỉnh kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm ở các cấp, được xem xét chi hỗ trợ ở mức tối đa như sau:

a) Cấp tỉnh: 50.000.000 đồng;

b) Cấp huyện: 15.000.000 đồng;

c) Cấp xã: 5.000.000 đồng.

**Điều 7. Xây dựng và rà soát phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai**

1. Xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai ở cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã, được xem xét chi hỗ trợ ở mức tối đa như sau:

a) Cấp tỉnh: 200.000.000 đồng;

b) Cấp huyện: 50.000.000 đồng;

c) Cấp xã: 15.000.000 đồng.

2. Cập nhật, rà soát, điều chỉnh phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai hàng năm ở các cấp, được xem xét chi hỗ trợ ở mức tối đa như sau:

a) Cấp tỉnh: 50.000.000 đồng;

b) Cấp huyện: 15.000.000 đồng;

c) Cấp xã: 5.000.000 đồng.

**Mục 2. HỖ TRỢ CÔNG TÁC ỨNG PHÓ THIÊN TAI**

**Điều 8. Sơ tán dân tập trung ra khỏi nơi nguy hiểm**

Mức hỗ trợ theo tình hình thực tế tại từng địa bàn xã, phường, thị trấn, được xem xét chi hỗ trợ ở mức tối đa 200.000 đồng/hộ gia đình/lần sơ tán.

**Điều 9. Chăm sóc y tế, lương thực, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán đến**

Mức hỗ trợ theo tình hình thực tế tại từng địa bàn xã, phường, thị trấn, được xem xét chi hỗ trợ ở mức tối đa 80.000 đồng/người/ngày và không quá 10 ngày/ 01 đợt.

**Điều 10. Hỗ trợ cho các hoạt động huy động lực lượng, vật tư, phương tiện, trang thiết phục vụ công tác ứng phó thiên tai**

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 118/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm hoạ và Thông tư số 92/2009/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thanh toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm hoạ.

**Mục 3. HỖ TRỢ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI**

**Điều 11. Cứu trợ khẩn cấp về lương thực**

Hỗ trợ 15 kg gạo/người/tháng trong thời gian không quá 03 tháng cho mỗi đợt trợ giúp đối với tất cả các thành viên hộ gia đình thiếu đói trong và sau thiên tai.

**Điều 12. Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác**

Mức chi hỗ trợ theo tình hình thực tế tại từng địa bàn xã, phường, thị trấn, nhưng ở mức không quá 300.000 đồng/người/đợt.

**Điều 13. Hỗ trợ người chết, bị thương do thiên tai**

1. Hộ gia đình có người chết do thiên tai: 5.400.000 đồng/người.

2. Hộ gia đình có người bị thương nặng do thiên tai: 2.700.000 đồng/người.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đứng ra mai táng cho người chết do thiên tai không phải tại địa bàn cấp xã nơi cư trú của người đó hoặc tại địa bàn cấp xã nơi cư trú của người đó nhưng không có người thân thích thì được hỗ trợ chi phí mai táng theo chi phí là 8.100.000 đồng/người/lần mai táng.

4. Người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân, gia đình chăm sóc: 2.700.000 đồng/người.

**Điều 14. Hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở**

1. Hộ gia đình có nhà ở chính nằm trong khu vực bị ảnh hưởng của thiên tai bắt buộc phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền được xem xét hỗ trợ chi phí di dời nhà ở với mức tối đa không quá 20.000.000 đồng/hộ.

2. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn bị thiệt hại về nhà ở do thiên tai:

a) Có nhà ở chính bị hư hỏng hoàn toàn (Mức độ thiệt hại trên 70%) mà không còn nơi ở thì được xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở với mức tối đa không quá 20.000.000 đồng/hộ;

b) Có nhà ở chính bị hư hỏng rất nặng (Mức độ thiệt hại từ 50-70%) mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức tối đa không quá 15.000.000 đồng/hộ;

c) Có nhà ở chính bị hư hỏng nặng (Mức độ thiệt hại từ 30-50%) gặp khó khăn trong sinh hoạt thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức tối đa không quá 10.000.000 đồng/hộ.

3. Hộ gia đình không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 14 của Quy định này, nhưng đang ở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, các xã khu vực III, khu vực II thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung các văn bản nêu trên (nếu có) được UBND tỉnh rà soát, tổng hợp đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn hàng năm:

a) Có nhà ở chính bị hư hỏng hoàn toàn (Mức độ thiệt hại trên 70%) mà không còn nơi ở thì được xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở với mức tối đa không quá 18.000.000 đồng/hộ;

b) Có nhà ở chính bị hư hỏng rất nặng (Mức độ thiệt hại từ 50-70%) mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức tối đa không quá 13.000.000 đồng/hộ;

c) Có nhà ở chính bị hư hỏng nặng (Mức độ thiệt hại từ 30-50%) gặp khó khăn trong sinh hoạt thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức tối đa không quá 8.000.000 đồng/hộ.

4. Hộ gia đình không thuộc diện quy định tại khoản 2 và 3 Điều 13 của Quy định này:

a) Có nhà ở chính bị hư hỏng hoàn toàn (Mức độ thiệt hại trên 70%) mà không còn nơi ở thì được xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở với mức tối đa không quá 16.000.000 đồng/hộ;

b) Có nhà ở chính bị hư hỏng rất nặng (Mức độ thiệt hại từ 50-70%) mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức tối đa không quá 11.000.000 đồng/hộ;

c) Có nhà ở chính bị hư hỏng nặng (Mức độ thiệt hại từ 30-50%) gặp khó khăn trong sinh hoạt thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức tối đa không quá 6.000.000 đồng/hộ.

5. Mức độ thiệt hại về nhà ở áp dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số [43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/thong-tu-lien-tich-43-2015-ttlt-bnnptnt-bkhdt-huong-dan-thong-ke-danh-gia-thiet-hai-do-thien-tai-gay-ra-296630.aspx) ngày 23/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thống kê đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra.

**Điều 15. Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai**

1. Đối với cấp xã:

Mức chi hỗ trợ theo nhu cầu và tình hình thực tế tại từng địa bàn cấp xã, nhưng ở mức tối đa không quá 10.000.000 đồng/xã.

2. Đối với trạm Y tế cấp xã, trường mẫu giáo:

Mức chi hỗ trợ theo nhu cầu và tình hình thực tế của địa phương, nhưng ở mức tối đa không quá 3.000.000 đồng/điểm.

3. Đối với trung tâm Y tế cấp huyện,trường tiểu học cơ sở, trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông:

Mức chi hỗ trợ theo nhu cầu và tình hình thực tế của địa phương, nhưng ở mức tối đa không quá 5.000.000 đồng/điểm.

**Điều 16. Hỗ trợ thiệt hại cây trồng, vật nuôi, sản xuất lâm nghiệp, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai**

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định mức hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và các văn bản khác có liên quan.

**Điều 17. Hỗ trợ cho các hoạt động huy động lực lượng, vật tư, phương tiện, trang thiết bị khắc phục hậu quả thiên tai**

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 118/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm hoạ và Thông tư số 92/2009/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thanh toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm hoạ.

**Điều 18. Hỗ trợ sửa chữa, khắc phục khẩn cấp các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu**

Tùy theo khả năng cân đối nguồn vốn được giao và tình hình thực tế về thiệt hại hư hỏng các công trình, hạng mục quy định tại điểm d khoản 3 Điều 3 Quy định này; các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về đầu tư xây dựng.

Riêng nguồn kinh phí từ Quỹ Phòng, chống thiên tai được hỗ trợ tối đa không quá 03 tỷ đồng/công trình.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 19. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp:

a) Chịu trách nhiệm báo cáo, thống kê thiệt hại thiên tai theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và đề xuất nhu cầu hỗ trợ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét quyết định;

Trường hợp thiên tai xảy ra trên diện rộng gây thiệt hại nặng và vượt khả năng cân đối của cấp xã thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét quyết định;

c) Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét quyết định;

Trường hợp thiên tai xảy ra trên diện rộng gây thiệt hại nặng và vượt khả năng cân đối của cấp huyện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định;

d) Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động Thương binh và Xã hội, các cơ quan liên quan xác định nguồn lực để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định;

Trường hợp thiệt hại lớn, vượt quá khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và các Bộ, ngành liên quan đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hỗ trợ kinh phí cho địa phương.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan thường trực về phòng, chống thiên tai):

a) Chủ trì, phối hợp các sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải; Lao động, Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan đề xuất tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ hàng năm để hỗ trợ khắc phục thiệt hại cho các Sở, ban, ngành và các địa phương; theo dõi và đôn đốc thực hiện nghiêm túc nội dung và mức hỗ trợ quy định này;

b) Chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành, đoàn thể, các địa phương, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành các hướng dẫn về xây dựng quy trình kiểm tra hiện trường, thống kê, đánh giá thiệt hại, đề xuất nhu cầu, nguồn lực phù hợp với thực tế của địa phương.

3. Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn và triển khai thực hiện các nội dung theo Quy định này;

b) Phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc các cơ quan, đơn vị và địa phương trong việc quản lý, sử dụng kinh phí đảm bảo theo nội dung, định mức; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Sở Tài chính:

a) Phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí từ nguồn Quỹ, nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ và các chính sách liên quan khác;

b) Hướng dẫn các địa phương về thủ tục cấp phát, thanh quyết toán.

5. Sở Lao động Thương binh và Xã hội: Phối hợp Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, các cơ quan, địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí từ nguồn Quỹ, nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ bảo đảm sự công bằng giữa các vùng, các chính sách, đúng đối tượng bị thiệt hại; điều kiện hỗ trợ, mức hỗ trợ, thủ tục hỗ trợ theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Quy định này.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố:

a) Quản lý, sử dụng nguồn Quỹ và nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ trên địa bàn, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kinh phí được phân cấp và giao để thực hiện cho công tác phòng chống thiên tai;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng nguồn Quỹ, nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ và chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn chủ động triển khai hỗ trợ theo quy định, bảo đảm đúng đối tượng, điều kiện hỗ trợ, mức hỗ trợ, thủ tục hỗ trợ; thực hiện báo cáo quyết toán thu chi trên địa bàn;

c) Chủ động sử dụng kinh phí từ ngân sách huyện, thị xã, thành phố để khắc phục, hỗ trợ cho các đối tượng bị thiệt hại do thiên tai. Ngoài phần hỗ trợ từ ngân sách tại Điều 4 Quy định này, chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội Chữ thập đỏ cùng cấp trong việc điều phối tiền, hàng cứu trợ của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước nhằm đảm bảo sự công bằng giữa các vùng cũng như các đối tượng bị thiệt hại.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

a) Quản lý, sử dụng nguồn được giao bảo đảm theo quy định của pháp luật và Quy định này, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện về kinh phí được phân cấp và giao để thực hiện cho công tác phòng chống thiên tai;

b) Báo cáo quyết toán thu, chi cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**Điều 20. Điều khoản thi hành**

1. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND cấp huyện, cấp xã và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện Quy định này; căn cứ nội dung, mức hỗ trợ tại Quy định này để xem xét hỗ trợ cho phù hợp, tránh trùng lặp (trừ các khoản hỗ trợ do các tổ chức, cá nhân ủng hộ nhân dân và các địa phương bị thiệt hại có địa chỉ cụ thể theo yêu cầu của nhà tài trợ).

Trường hợp có hành vi cố ý gây thất thoát, lãng phí tài sản, sử dụng kinh phí không đúng mục đích, đối tượng hoặc thực hiện không đúng các nội dung theo quy định, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND cấp huyện, cấp xã và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh./.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  **TM. ỦY BAN NHÂN DÂNCHỦ TỊCH** |